HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK GLEI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 62 /NQ-HĐND	*Đăk Glei, ngày 20 tháng 12 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2022 huyện Đăk Glei

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂK GLEI
KHÓA XV KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 63/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XI, kỳ họp thứ 11 quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Kon Tum;

Xét Tờ trình số 315/TTr-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2022.

Tổng kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2022 của huyện Đăk Glei là 32.773 triệu đồng (*Danh mục và mức vốn bố trí chi tiết cho từng dự án, nhiệm vụ tại Biểu số 01, Biểu số 02 và Biểu số 03 kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Đăk Glei Khóa XV Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 18 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Thường Trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Các ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể của huyện;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Văn phòng HĐND-UBND huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Hoàng Trung Thông

Biểu số 01

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NSĐP NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số: 62 /NQ - HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2021, của HĐND huyện Đăk Glei)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Tỉnh giao	Địa phương giao	Tăng (+)/ Giảm (-)
	Tổng số	**23.949**	**32.773**	**8.824**
1	**Vốn cân NSĐP theo tiêu chí, định mức**	**14.230**	**14.230**	**0**
-	Nguồn phân cấp cân đối theo tiêu chí Nghị quyết số 63/2020/NQ-HĐND	8.030	8.030	
-	Nguồn vốn hỗ trợ thực hiện nông thôn mới	2.780	2.780	
-	Nguồn đầu tư các công trình cấp bách khác	2.500	2.500	
-	Nguồn thu xổ số kiến thiết	920	920	
2	**Nguồn thu tiền sử dụng đất**	**9.719**	**9.719**	**0**
-	Phân cấp đầu tư nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối	7.920	7.920	0
	Trong đó:			
	Chi đầu tư phát tiển	*6.230*	*6.230*	
	Điều tiết ngân sách theo Nghị quyết HĐND tỉnh	*900*	*900*	
	Phân cấp thực hiện nhiệm vụ chi đo đạc. Cấp giấy chứng nhận, quản lý đất đai	*790*	*790*	
-	Quy hoạch, đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở, đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính và lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	1.799	1.799	
3	**Nguồn thu tiền sử dụng đất từ dự án khai thác quỹ đất, nguồn thu bán đấu giá đất và tài sản trên đất để tạo vốn đầu tư CSHT**		**8.824**	**8.824**

Biểu số 02

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 62 /NQ - HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2021, của HĐND huyện Đăk Glei)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền thống	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Tổng số	**32.773**	**5.550**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1.905**	**0**	**0**	**9.131**	**4.425**	**0**	**16.187**	**0**	**0**
1	BQL dự án đầu tư xây dựng	18.428	5.550						1.905			5.642	4.425		5.331		
2	Văn phòng Huyện ủy Đăk Glei	10.856													10.856		
3	Điều tiết nguồn thu tiền sử dụng đất	900										900					
4	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2.589										2.589					

Biểu số 03

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 62 /NQ - HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của HĐND huyện Đăk Glei)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lương thực hiện từ khởi công đến 31/12/2021			Lũy kế vốn bố trí đến 31/12/2021			Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số	Chia theo		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn											
							NS trung ương	NS địa phương		NS trung ương	NS địa phương		NS trung ương	NS địa phương		NS trung ương	NS địa phương	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG CỘNG A+B					**268.666**	**0**	**268.666**	**40.665**		**40.665**	**40.410**	**0**	**40.410**	**32.773**	**0**	**32.773**	
A	**Phân cấp ngân sách huyện hưởng theo dự toán giao cân đối**					**203.834**	**0**	**203.834**	**26.839**		**26.839**	**26.584**	**0**	**26.584**	**23.949**	**0**	**23.949**	
A1	**Nguồn cân đối NSĐP theo tiêu chí quy định tại quyết định số 26/2020/QĐ-TTg**					**80.695**	**0**	**80.695**	**6.534**		**6.534**	**6.279**	**0**	**6.279**	**13.310**	**0**	**13.310**	
I	**Phân cấp cân đối theo tiêu chí tại NQ 63/2020/NQ-HĐND**					**41.040**	**0**	**41.040**	**2.722**	**0**	**2.722**	**2.467**	**0**	**2.467**	**8.030**	**0**	**8.030**	
1	**Văn phòng Huyện ủy Đăk Glei**					**29.988**	**0**	**29.988**	**222**	**0**	**222**	**0**	**0**	**0**	**6.280**	**0**	**6.280**	
1.1	**Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước**					**29.988**	**0**	**29.988**	**222**	**0**	**222**	**0**	**0**	**0**	**6.280**	**0**	**6.280**	
(1)	***Bố trí các công trình chuyển tiếp***					***6.000***	***0***	***6.000***	***222***	***0***	***222***	***0***	***0***	***0***	***5.780***	***0***	***5.780***	
	Nhà làm việc của cơ quan huyện ủy Đăk Glei	Thị trấn Đăk Glei	Dự án nhóm C	2020-2021	1333; 29/10/2019	6.000		6.000	222		222			0	5.780		5.780	
(2)	***Bố trí các công trình khởi công mới***					***23.988***	***0***	***23.988***	***0***	***0***	***0***	***0***	***0***	***0***	***500***	***0***	***500***	
	Nhà làm việc chính Huyện ủy	Thị trấn Đăk Glei	Dự án nhóm C	2021-	31; 07/12/2020	23.988		23.988			0			0	500		500	
2	**BQL dự án đầu tư xây dựng**					**11.052**	**0**	**11.052**	**2.500**	**0**	**2.500**	**2.467**	**0**	**2.467**	**1.750**	**0**	**1.750**	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lương thực hiện từ khởi công đến 31/12/2021			Lũy kế vốn bố trí đến 31/12/2021			Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số	Chia theo		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn											
							NS trung ương	NS địa phương		NS trung ương	NS địa phương		NS trung ương	NS địa phương		NS trung ương	NS địa phương	
2.1	**Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề**					**11.052**	**0**	**11.052**	**2.500**	**0**	**2.500**	**2.467**	**0**	**2.467**	**1.750**	**0**	**1.750**	
(1)	***Bố trí các công trình chuyển tiếp***					***11.052***	***0***	***11.052***	***2.500***	***0***	***2.500***	***2.467***	***0***	***2.467***	***1.750***	***0***	***1.750***	
	Trường Tiểu học thị trấn Đăk Glei	Thị trấn Đăk Glei	Dự án nhóm C	2021-	380; 5/5/2021	8.000		8.000	2.500		2.500	2.467		2.467	1.250		1.250	
	Trường PTDTBT THCS xã Đăk Long	xã Đăk Long	Dự án nhóm C	2021-	2497; 15/12/2020	3.052		3.052	0						500		500	
II	**Hỗ trợ thực hiện nông thôn mới (ưu tiên giáo dục và đào tạo)**					**9.667**	**0**	**9.667**	**1.280**		**1.280**	**1.280**	**0**	**1.280**	**2.780**	**0**	**2.780**	
1	**BQL dự án đầu tư xây dựng**					**9.667**	**0**	**9.667**	**1.280**		**1.280**	**1.280**	**0**	**1.280**	**2.780**	**0**	**2.780**	
1.1	**Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề**					**9.667**	**0**	**9.667**	**1.280**		**1.280**	**1.280**	**0**	**1.280**	**2.780**	**0**	**2.780**	
(1)	***Bố trí các công trình chuyển tiếp***					***7.167***	***0***	***7.167***	***1.280***		***1.280***	***1.280***	***0***	***1.280***	***1.220***	***0***	***1.220***	
	Trường THCS Đăk Pék	Xã Đăk Pek	Dự án nhóm C	2021-	934; 22/10/2021	5.667		5.667	780		780	780		780	220		220	
	Trường Tiểu học Mường Hoong (điểm trường chính)	Xã Mường Hoong	Dự án nhóm C	2021-	935; 22/10/2021	1.500		1.500	500		500	500		500	1.000		1.000	
(2)	***Bố trí các công trình khởi công mới***					***2.500***	***0***	***2.500***	***0***		***0***	***0***	***0***	***0***	***1.560***	***0***	***1.560***	
	Trường Tiểu học - THCS xã Đăk Man	Xã Đăk Man	Dự án nhóm C	2022-	839; 05/9/2021	1.500		1.500							960		960	
	Trường TH&THCS xã Xốp	Xã Xốp	Dự án nhóm C	2022-	839; 05/9/2021	2.500		2.500							600		600	
III	**Phân cấp hỗ trợ đầu tư các công trình cấp bách**					**29.988**	**0**	**29.988**	**2.532**	**0**	**2.532**	**2.532**	**0**	**2.532**	**2.500**	**0**	**2.500**	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lương thực hiện từ khởi công đến 31/12/2021			Lũy kế vốn bố trí đến 31/12/2021			Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số	Chia theo		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn											
							NS trung ương	NS địa phương		NS trung ương	NS địa phương		NS trung ương	NS địa phương		NS trung ương	NS địa phương	
1	**BQL dự án đầu tư xây dựng**					**6.000**	**0**	**6.000**	**2.532**	**0**	**2.532**	**2.532**	**0**	**2.532**	**500**	**0**	**500**	**0**
1.1	**Chi phát thanh, truyền thông**					**6.000**	**0**	**6.000**	**2.532**		**2.532**	**2.532**	**0**	**2.532**	**500**	**0**	**500**	
(1)	***Bố trí các công trình chuyển tiếp***					***6.000***	***0***	***6.000***	***2.532***		***2.532***	***2.532***	***0***	***2.532***	***500***	***0***	***500***	
	Nâng cấp, cải tạo Đài truyền thanh - truyền hình huyện Đăk Glei	TT Đăk Glei	Dự án nhóm C	2021-	381; 05/5/2021	6.000		6.000	2.532		2.532	2.532		2.532	500		500	
2	**Văn phòng Huyện ủy Đăk Glei**					**23.988**	**0**	**23.988**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**2.000**	**0**	**2.000**	
2.1	**Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước**					**23.988**	**0**	**23.988**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**2.000**	**0**	**2.000**	
(1)	***Bố trí các công trình khởi công mới***					***23.988***	***0***	***23.988***	***0***	***0***	***0***	***0***	***0***	***0***	***2.000***	***0***	***2.000***	
	Nhà làm việc chính Huyện ủy	TT Đăk Glei	Dự án nhóm C	2021-	31; 07/12/2020	23.988		23.988			0			0	2.000		2.000	
A2	**Thu tiền sử dụng đất**					**117.587**	**0**	**117.587**	**19.385**		**19.385**	**19.385**	**0**	**19.385**	**9.719**	**0**	**9.719**	*
I	**Phân cấp đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối**					**117.587**	**0**	**117.587**	**19.385**		**19.385**	**19.385**	**0**	**19.385**	**7.920**	**0**	**7.920**	
1	**BQL dự án đầu tư xây dựng**					**117.587**	**0**	**117.587**	**19.385**		**19.385**	**19.385**	**0**	**19.385**	**6.230**	**0**	**6.230**	
(1)	**Thực hiện đầu tư**					**117.587**	**0**	**117.587**	**19.385**	**0**	**19.385**	**19.385**	**0**	**19.385**	**6.230**	**0**	**6.230**	
1.1	**Các hoạt động kinh tế**					**95.107**	**0**	**95.107**	**7.091**		**7.091**	**7.091**	**0**	**7.091**	**4.047**	**0**	**4.047**	
*	***Bố trí các công trình chuyển tiếp***					***81.543***	***0***	***81.543***	***5.061***	***0***	***5.061***	***5.061***	***0***	***5.061***	***2.017***	***0***	***2.017***	
	Dự án khai thác quỹ đất để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng huyện Đăk Glei	Thị trấn Đăk Glei	Dự án nhóm C	2020-	10; 17/4/2020	79.043		79.043	3.561		3.561	3.561		3.561	1.217		1.217	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lương thực hiện từ khởi công đến 31/12/2021			Lũy kế vốn bố trí đến 31/12/2021			Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số	Chia theo		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn	NS trung ương	NS địa phương		NS trung ương	NS địa phương		NS trung ương	NS địa phương		NS trung ương	NS địa phương	
	Đường GTNT nội thôn Nú Vai từ nhà rông ra đường HCM giai đoạn 3	Đăk Kroong	Dự án nhóm C	2021-	2497; 15/12/2020	2.500		2.500	1.500		1.500	1.500		1.500	800		800	
*	***Bố trí các công trình khởi công mới***					***13.564***	***0***	***13.564***	***2.030***	***0***	***2.030***	***2.030***	***0***	***2.030***	***2.030***	***0***	***2.030***	
	Đường vào trung tâm huyện (giai đoạn 1)	Thị trấn Đăk Glei	Dự án nhóm C	2021-	31; 07/12/2020	13.564		13.564	2.030		2.030	2.030		2.030	2.030		2.030	
1.2	**Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề**					**1.200**	**0**	**1.200**	**1.000**	**0**	**1.000**	**1.000**	**0**	**1.000**	**100**	**0**	**100**	
*	***Bố trí các công trình chuyển tiếp***					***1.200***	***0***	***1.200***	***1.000***	***0***	***1.000***	***1.000***	***0***	***1.000***	***100***	***0***	***100***	
	Cổng hàng rào trung tâm Chính trị	Đăk Pek	Dự án nhóm C	2021-	2496; 15/12/2020	1.200		1.200	1.000		1.000	1.000		1.000	100		100	
1.3	**Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước**					**21.280**	**0**	**21.280**	**11.294**		**11.294**	**11.294**	**0**	**11.294**	**2.083**	**0**	**2.083**	
*	***Bố trí các công trình chuyển tiếp***					***21.280***	***0***	***21.280***	***11.294***	***0***	***11.294***	***11.294***	***0***	***11.294***	***2.083***	***0***	***2.083***	
	San ủi mặt bằng khu trung tâm huyện	TT Đăk Glei	Dự án nhóm C	2021-	344; 14/4/2021	21.280		21.280	11.294		11.294	11.294		11.294	2.083		2.083	
2	**UBND các xã, thị trấn**														**900**	**0**	**900**	
2.1	**Chi đầu tư khác**														**900**		**900**	
	Điều tiết ngân sách														900		900	
3	**Phòng Tài nguyên và Môi trường**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**		**0**	**0**	**0**	**0**	**790**	**0**	**790**	**
3.1	**Chi các hoạt động kinh tế**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**		**0**	**0**	**0**	**0**	**790**	**0**	**790**	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lương thực hiện từ khởi công đến 31/12/2021			Lũy kế vốn bố trí đến 31/12/2021			Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số	Chia theo		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn											
							NS trung ương	NS địa phương		NS trung ương	NS địa phương		NS trung ương	NS địa phương		NS trung ương	NS địa phương	
	Phân cấp thực hiện nhiệm vụ chi đo đạc, cấp giấy chứng nhận quản lý đất đai (cân đối)														790		790	
II	**Quy hoạch, đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở, đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính và lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất**														**1.799**		**1.799**	**
1.1	Chi các hoạt động kinh tế														1.799		1.799	
1	Phòng Tài nguyên và Môi trường														1.799		1.799	
A3	**Phân cấp đầu tư nguồn thu XSKT (lồng nghép thực hiện CT MTQG ưu tiên giáo dục và đào tạo)**					**5.552**	**0**	**5.552**	**920**		**920**	**920**	**0**	**920**	**920**	**0**	**920**	
1	**BQL dự án đầu tư xây dựng**					**5.552**	**0**	**5.552**	**920**		**920**	**920**	**0**	**920**	**920**	**0**	**920**	
1.1	**Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề**					**5.552**	**0**	**5.552**	**920**		**920**	**920**	**0**	**920**	**920**	**0**	**920**	
(1)	***Bố trí các công trình chuyển tiếp***					***3.052***	***0***	***3.052***	***920***		***920***	***920***	***0***	***920***	***580***	***0***	***580***	
	Trường PTDTBT THCS xã Đăk Long	xã Đăk Long	Dự án nhóm C	2021-	2497; 15/12/2020	3.052		3.052	920		920	920		920	580		580	
(2)	***Bố trí các công trình khởi công mới***					***2.500***	***0***	***2.500***	***0***		***0***	***0***	***0***	***0***	***340***	***0***	***340***	
	Trường THCS xã Đăk Kroong	Xã Đăk Kroong	Dự án nhóm C	2021-	839; 05/9/2021	2.500		2.500							340		340	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lương thực hiện từ khởi công đến 31/12/2021			Lũy kế vốn bố trí đến 31/12/2021			Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số	Chia theo		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS trung ương	NS địa phương		NS trung ương	NS địa phương		NS trung ương	NS địa phương		NS trung ương	NS địa phương	
B	**Nguồn thu tiền sử dụng đất từ dự án khai thác quỹ đất, nguồn thu bán đấu giá đất và tài sản trên đất để tạo vốn đầu tư CSHT (Sau khi đã trừ đi các chi phí liên quan)**					**64.832**	**0**	**64.832**	**13.826**	**0**	**13.826**	**13.826**	**0**	**13.826**	**8.824**	**0**	**8.824**	*
1	**BQL dự án đầu tư xây dựng**					**40.844**	**0**	**40.844**	**13.826**	**0**	**13.826**	**13.826**	**0**	**13.826**	**6.248**	**0**	**6.248**	
1.1	**Các hoạt động kinh tế**					**13.564**	**0**	**13.564**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1.595**	**0**	**1.595**	
(1)	***Bố trí các công trình khởi công mới***					***13.564***	***0***	***13.564***	***0***	***0***	***0***	***0***	***0***	***0***	***1.595***	***0***	***1.595***	
	Đường vào trung tâm huyện Đăk Glei (giai đoạn 1)	TT Đăk Glei	Dự án nhóm C	2021-	31; 07/12/2020	13.564		13.564			0			0	1.595		1.595	
1.2	**Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước**					**21.280**	**0**	**21.280**	**11.294**	**0**	**11.294**	**11.294**	**0**	**11.294**	**3.248**	**0**	**3.248**	
(1)	***Bố trí các công trình chuyển tiếp***					***21.280***	***0***	***21.280***	***11.294***	***0***	***11.294***	***11.294***	***0***	***11.294***	***3.248***	***0***	***3.248***	***0***
	San ủi mặt bằng khu trung tâm huyện	TT Đăk Glei	Dự án nhóm C	2021-	344; 14/4/2021	21.280		21.280	11.294		11.294	11.294		11.294	3.248		3.248	
1.3	**Chi phát thanh, truyền thông**					**6.000**	**0**	**6.000**	**2.532**		**2.532**	**2.532**	**0**	**2.532**	**1.405**	**0**	**1.405**	
(1)	***Bố trí các công trình chuyển tiếp***					***6.000***	***0***	***6.000***	***2.532***		***2.532***	***2.532***	***0***	***2.532***	***1.405***	***0***	***1.405***	
	Nâng cấp, cải tạo Đài truyền thanh - truyền hình huyện Đăk Glei	TT Đăk Glei	Dự án nhóm C	2021-	381; 05/5/2021	6.000		6.000	2.532		2.532	2.532		2.532	1.405		1.405	
2	**Văn phòng Huyện ủy Đăk Glei**					**23.988**	**0**	**23.988**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**2.576**	**0**	**2.576**	
(1)	***Bố trí các công trình khởi công mới***					***23.988***	***0***	***23.988***	***0***	***0***	***0***	***0***	***0***	***0***	***2.576***	***0***	***2.576***	***0***

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lương thực hiện từ khởi công đến 31/12/2021			Lũy kế vốn bố trí đến 31/12/2021			Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số	Chia theo		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn											
							NS trung ương	NS địa phương		NS trung ương	NS địa phương		NS trung ương	NS địa phương		NS trung ương	NS địa phương	
	Nhà làm việc chính Huyện ủy	TT Đăk Glei	Dự án nhóm C	2021-	31; 07/12/2020	23.988		23.988			0			0	2.576		2.576	

Nghi chú:

* Nguồn Thu tiền sử dụng đất và Nguồn thu tiền sử dụng đất từ dự án khai thác quỹ đất, nguồn thu bán đấu giá đất và tài sản trên đất để tạo vốn đầu tư CSHT được thực hiện khi có nguồn thu

** Nội dung thực hiện chi tiết theo phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2022